

ĐOÀN TRƯỞNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM  
ĐOÀN KHOA HÓA HỌC

---

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG  
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026**

- 1. Tên hoạt động: ĐKHH - Thế giới dưới những ngón tay - TG**
- 2. Thời gian tổ chức: 05 – 12/01/2026**
- 3. Địa điểm tổ chức: Trực tuyến**
- 4. Danh sách sinh viên tham gia:**

| STT | MSSV     | Họ và tên sinh viên      | Khoa    |
|-----|----------|--------------------------|---------|
| 1   | 25220061 | Dương Trí Thuận          | Hóa học |
| 2   | 24140004 | Thái Hoàng Tiến          | Hóa học |
| 3   | 22200183 | Nguyễn Quốc Việt         | Hóa học |
| 4   | 25150034 | Dương Nguyễn Thanh Hương | Hóa học |
| 5   | 24140002 | Nguyễn Đức Hiễn          | Hóa học |
| 6   | 24140186 | Thái Minh Phi            | Hóa học |
| 7   | 25150175 | Nguyễn Nhật Huy          | Hóa học |
| 8   | 24140226 | Đỗ Ngọc Tú               | Hóa học |
| 9   | 24140168 | Nguyễn Trà My            | Hóa học |
| 10  | 24140006 | Nguyễn Xuân Đạt          | Hóa học |
| 11  | 25110004 | Nguyễn Đình Hoàng        | Hóa học |
| 12  | 24150079 | Dương Trần Băng Tâm      | Hóa học |
| 13  | 24190047 | Phạm Huỳnh Quốc Đại      | Hóa học |
| 14  | 23120192 | Nguyễn Nhật Vy           | Hóa học |
| 15  | 24140039 | Bùi Huỳnh Ngọc Tuyết     | Hóa học |
| 16  | 21150355 | Trần Ngọc Thuận          | Hóa học |
| 17  | 24140094 | Nguyễn Lê Phương Dung    | Hóa học |
| 18  | 23200116 | Nguyễn Tùng Nguyên       | Hóa học |
| 19  | 24120177 | Cáp Hữu Duy              | Hóa học |
| 20  | 22120296 | Lê Văn Quang             | Hóa học |
| 21  | 24170083 | Nguyễn Trần Quốc Khánh   | Hóa học |
| 22  | 24170112 | Nguyễn Thị Bình Nhi      | Hóa học |
| 23  | 23140124 | Lê Phan Mai Lan          | Hóa học |
| 24  | 24140007 | Đào Trọng Nhân           | Hóa học |

|    |          |                       |         |
|----|----------|-----------------------|---------|
| 25 | 25150136 | Nguyễn Quỳnh Như      | Hóa học |
| 26 | 24280048 | Trần Nguyên Hưng      | Hóa học |
| 27 | 25140153 | Bùi Duy Anh           | Hóa học |
| 28 | 25210031 | Nguyễn Thị Thùy Dương | Hóa học |
| 29 | 25200054 | Nguyễn Nhật Phương    | Hóa học |
| 30 | 23150119 | Dương Nguyễn Zdui Ly  | Hóa học |
| 31 | 25140053 | Đặng Đông Phát        | Hóa học |
| 32 | 25140104 | Hồ Hoàng Huy          | Hóa học |
| 33 | 22280034 | Trương Minh Hoàng     | Hóa học |
| 34 | 23140257 | Nguyễn Duy Vũ         | Hóa học |
| 35 | 24140241 | Lý Phụng Yển          | Hóa học |
| 36 | 25120476 | Nguyễn Minh Anh       | Hóa học |
| 37 | 23190065 | Phạm Lê Phi Long      | Hóa học |
| 38 | 24230016 | Huỳnh Thục Quyên      | Hóa học |
| 39 | 23110051 | Đặng Bảo Toàn         | Hóa học |
| 40 | 24140225 | Trịnh Việt Trường     | Hóa học |
| 41 | 24290036 | Phạm Thị Minh Đức     | Hóa học |
| 42 | 24140055 | Nguyễn Hoài Nam       | Hóa học |
| 43 | 24120501 | Nguyễn Lê Thanh Huy   | Hóa học |
| 44 | 23150014 | Hồ Ngọc Minh Khuê     | Hóa học |
| 45 | 25110054 | Đặng Chí Khang        | Hóa học |
| 46 | 24140057 | Nguyễn Thuận Phát     | Hóa học |
| 47 | 24140005 | Lê Anh Trung          | Hóa học |
| 48 | 24290009 | Trần Phạm Thảo My     | Hóa học |
| 49 | 25140001 | Hoàng Gia Bảo         | Hóa học |
| 50 | 24140003 | Nguyễn Lê Huy Hoàng   | Hóa học |
| 51 | 23140232 | Trần Thị Huyền Trân   | Hóa học |
| 52 | 25150191 | Vũ Ban Mai            | Hóa học |
| 53 | 25150027 | Nguyễn Ngọc Hoàng Hà  | Hóa học |
| 54 | 24120397 | Trương Bảo Nguyên     | Hóa học |
| 55 | 24120461 | Hà Lê Thanh Thúy      | Hóa học |
| 56 | 23140255 | Phạm Thế Vinh         | Hóa học |
| 57 | 23140045 | Lê Thị Ngọc Tú        | Hóa học |
| 58 | 24210017 | Võ Thành Hiếu         | Hóa học |

|     |          |                         |         |
|-----|----------|-------------------------|---------|
| 59  | 24140095 | Lương Bá Dũng           | Hóa học |
| 60  | 22140091 | Huỳnh Thái Khang        | Hóa học |
| 61  | 24140136 | Nguyễn Thành Khoa       | Hóa học |
| 62  | 24140091 | Võ Tấn Đạt              | Hóa học |
| 63  | 25140086 | Bùi Quang Bảo           | Hóa học |
| 64  | 24140051 | Phạm Gia Hân            | Hóa học |
| 65  | 24140134 | Nguyễn Đăng Khoa        | Hóa học |
| 66  | 22230031 | Trần Minh Bảo Nguyên    | Hóa học |
| 67  | 25140125 | Võ Thị Quỳnh Như        | Hóa học |
| 68  | 21190126 | Nguyễn Tân Hoàng Phi    | Hóa học |
| 69  | 25120080 | Nguyễn Ngọc Anh Khoa    | Hóa học |
| 70  | 23140221 | Lê Chí Tiến             | Hóa học |
| 71  | 22260026 | Nguyễn Thành Nam        | Hóa học |
| 72  | 24290042 | Nguyễn Thanh Hải        | Hóa học |
| 73  | 25140063 | Biện Nguyễn Anh Thư     | Hóa học |
| 74  | 24140042 | Trần Chí Bảo            | Hóa học |
| 75  | 22260040 | Đặng Nguyễn Anh Thư     | Hóa học |
| 76  | 25180149 | Nguyễn Lê Quỳnh Như     | Hóa học |
| 77  | 23150012 | Lê Khánh Hoàn           | Hóa học |
| 78  | 23140204 | Lê Nguyễn Thu Thảo      | Hóa học |
| 79  | 23150009 | Nguyễn Phương Dung      | Hóa học |
| 80  | 23140032 | Hoàng Thị Duyên         | Hóa học |
| 81  | 25280087 | Nguyễn Tuyết Minh       | Hóa học |
| 82  | 22140062 | Võ Văn Hào              | Hóa học |
| 83  | 22140150 | Dương Hoài Ninh         | Hóa học |
| 84  | 23140157 | Trương Nguyễn Hồng Ngọc | Hóa học |
| 85  | 23140121 | Võ Nhựt Minh Khôi       | Hóa học |
| 86  | 24140058 | Võ Phan Bách Thanh Thảo | Hóa học |
| 87  | 24140046 | Huỳnh Đăng              | Hóa học |
| 88  | 24140101 | Nguyễn Hữu Ngọc Duy     | Hóa học |
| 99  | 25140159 | Trần Quốc Bảo           | Hóa học |
| 100 | 25140096 | Lê Linh Xuân Hào        | Hóa học |
| 103 | 22140005 | Trần Thị Nhã An         | Hóa học |
| 104 | 22140153 | Lê Tấn Phát             | Hóa học |

Danh sách gồm có **104** sinh viên./.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2026*

**TM. BCH ĐOÀN KHOA HÓA HỌC  
BÍ THƯ**

**Người lập bảng**

**Võ Nhật Minh Khôi**

**Đỗ Ngọc Phương Thi**